

Phụ lục 01:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	55.646,93	55.665,26
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	31.979,55	31.969,55
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.489,22	3.495,89
2.1	Đất an ninh	CAN	2,08	7,95
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.594,22	1.595,02
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,52	4,62
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	45,66	46,36
3	Đất chưa sử dụng	CSD	10.805,21	10.780,21

Phụ lục 02:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÌNH GIÀ**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Đất nông nghiệp	NNP	105.173,63	105.182,31
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	86.738,20	86.731,70
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.539,15	3.540,47
2.1	Đất an ninh	CAN	5,22	3,89
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.496,54	1.499,19
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,82	4,27
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	47,47	48,17
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	2,56	4,06
3	Đất chưa sử dụng	CSD	702,34	692,34

Phụ lục 03:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CAO LỘC**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	56.771,74	56.559,60
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	35.907,79	35.732,79
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.265,50	4.502,64
2.1	Đất an ninh	CAN	34,55	43,83
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.816,47	2.044,33
-	Đất giao thông	DGT	1.474,93	1.698,29
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	12,60	16,10
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	49,43	50,43
3	Đất chưa sử dụng	CSD	871,54	846,54

Phụ lục 04:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHI LĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	53.288,51	53.238,77
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	32.463,70	32.418,70
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.442,44	4.517,56
2.1	Đất an ninh	CAN	4,67	10,59
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.135,84	2.219,66
-	Đất giao thông	DGT	1.666,77	1.730,27
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,63	7,63
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	51,75	52,45
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	104,21	105,21
3	Đất chưa sử dụng	CSD	12.697,60	12.672,22

Phụ lục 05:**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÌNH LẬP***(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Đất nông nghiệp	NNP	103.707,24	103.750,67
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	84.657,06	84.622,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10.667,79	10.669,67
2.1	Đất an ninh	CAN	5,37	6,10
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.287,47	1.288,62
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,93	8,38
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	32,63	33,33
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4.579,84	4.534,53

Phụ lục 06:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HỮU LŨNG**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	56.565,46	56.693,46
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	20.518,50	20.473,50
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.885,82	8.795,37
2.1	Đất an ninh	CAN	9,54	19,29
2.2	Đất khu công nghiệp	SKK	599,76	498,76
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.087,81	3.088,61
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,97	4,07
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	96,07	96,77
3	Đất chưa sử dụng	CSD	15.311,83	15.274,28

Phụ lục 07:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LỘC BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	88.207,87	88.251,72
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	62.480,67	62.443,67
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.069,32	9.075,47
2.1	Đất an ninh	CAN	11,08	16,08
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.893,94	2.895,09
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,61	5,06
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	71,08	71,78
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.365,72	1.315,72

Phụ lục 08:**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Đất nông nghiệp	NNP	96.369,70	96.286,01
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	68.925,88	68.876,19
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.570,37	4.679,06
2.1	Đất an ninh	CAN	3,32	10,76
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.969,61	2.070,86
-	Đất giao thông	DGT	1.474,77	1.574,77
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,22	5,67
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	48,10	48,80
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	2,19	2,29
3	Đất chưa sử dụng	CSD	731,28	706,28

Phụ lục 09:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN LÃNG**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	50.760,11	50.697,72
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	33.577,71	33.517,71
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.350,96	3.462,61
2.1	Đất an ninh	CAN	6,29	10,83
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.413,72	1.520,83
-	Đất giao thông	DGT	974,46	1.080,42
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,43	10,88
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	35,66	36,36
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.630,29	2.581,03

Phụ lục 10:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN QUAN**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Đất nông nghiệp	NNP	47.188,65	47.209,39
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	31.044,44	31.028,13
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.070,72	3.071,50
2.1	Đất an ninh	CAN	3,22	7,45
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.447,97	1.444,52
-	Đất giao thông	DGT	1.144,18	1.134,18
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,64	6,09
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	42,09	42,79
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	1,48	6,88
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4.497,50	4.475,98

Phụ lục 11:

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 927/QĐ-UBND và số 1702/QĐ-UBND	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.348,26	5.319,37
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	3.178,50	3.166,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.341,71	2.371,58
2.1	Đất an ninh	CAN	20,66	46,23
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	956,19	960,49
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,63	9,23
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	46,06	46,76
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	43,28	46,28
3	Đất chưa sử dụng	CSD	103,85	102,87